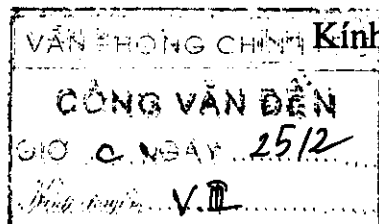


BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 942 /BKHĐT-TH
V/v Giải quyết ý kiến, kiến
nghị của cử tri gửi tới kỳ họp
thứ 6, Quốc hội khoá XIII

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2014



- Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
- Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được công văn số 732/BDN ngày 16/12/2013 của Ban Dân nguyện đề nghị trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIII, thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, trong đó cử tri tỉnh Bắc Kạn có 2 kiến nghị. Sau khi nghiên cứu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời các kiến nghị của cử tri như sau:

Kiến nghị 1:

Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ hàng năm cho tỉnh còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư tối thiểu của các địa phương, nhất là đầu tư đường giao thông nông thôn, thủy lợi, trạm y tế, các điểm trường. Đề nghị Bộ quan tâm tăng nguồn vốn đầu tư từ các chương trình mục tiêu quốc gia cho địa phương; đồng thời đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn đầu tư phát triển từ các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012.

Trả lời:

Trong giai đoạn 2011-2014, tổng kinh phí NSTW hỗ trợ thực hiện các Chương trình MTQG của tỉnh Bắc Kạn là 994,556 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Năm 2011: NSTW hỗ trợ 120,036 tỷ đồng;

Năm 2012: NSTW hỗ trợ 276,559 tỷ đồng;

Năm 2013: NSTW hỗ trợ 281,410 tỷ đồng;

Năm 2014: NSTW hỗ trợ 246,551 tỷ đồng (chưa bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới là 70 tỷ đồng).

Năm 2014, ngoài nguồn vốn NSTW hỗ trợ thực hiện các chương trình MTQG, Chính phủ đã ưu tiên bố trí vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình MTQG về Xây dựng nông thôn mới để đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

Về đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn đầu tư phát triển từ các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2012: Về vấn đề này, Bộ Tài chính đã có công văn số 16169/BTC-ĐT ngày 21/11/2013 hướng dẫn thanh toán vốn các Chương trình MTQG, theo đó các Chương trình MTQG năm 2012 được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn (bao gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) đến hết niên độ năm 2013 (đến hết ngày 31/01/2014).

Kiến nghị 2:

Việc quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của các cơ quan chức năng thời gian qua còn hạn chế, đề nghị tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của loại hình doanh nghiệp này.

Trả lời:

Thời gian qua, đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) đã đóng góp tích cực vào thành tựu tăng trưởng và phát triển của Việt Nam, tính đến ngày 15/12/2012 có 101 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam với 15.696 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký hơn 230 tỷ USD, vốn thực hiện đạt hơn 112 tỷ USD, chiếm 48,6% tổng vốn đăng ký. Trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với 53,3% tổng vốn đầu tư, tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản (21,2%), dịch vụ lưu trú ăn uống (4,7%). Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký 34,5 tỷ USD, tiếp theo lần lượt là Singapore, Hàn Quốc và Đài Loan.

Tuy nhiên, thu hút ĐTNN thời gian qua chưa đạt được một số mục tiêu kỳ vọng về thu hút công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghiệp hỗ trợ, đầu tư phát triển hạ tầng và chuyển giao công nghệ. Chất lượng của dự án ĐTNN nhìn chung chưa cao, giá trị gia tăng thấp, chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ, sự tham gia đầu tư theo chuỗi sản xuất của các tập đoàn xuyên quốc gia còn hạn chế; một số doanh nghiệp ĐTNN sử dụng công nghệ lạc hậu; gây ô nhiễm môi trường; một số doanh nghiệp ĐTNN có biểu hiện sử dụng phương thức chuyển giá để trốn thuế, gây thất thu ngân sách; không đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động...

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế nêu trên là do hệ thống luật pháp chính sách còn nhiều quy định chưa đồng bộ, chồng chéo, thiếu nhất quán; Việt Nam chưa chủ động và chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết để đảm bảo cho ĐTNN vận hành một cách có hiệu quả như kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, hệ thống doanh nghiệp trong nước, quy hoạch, rào cản kỹ thuật hợp lý...

Việc thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT) trong một số trường hợp còn thiếu chặt chẽ, chưa tuân thủ đầy đủ quy hoạch và khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... Công tác thanh tra, kiểm tra,

giám sát việc triển khai dự án ĐTNN thiếu thường xuyên, chưa thực sự hiệu quả. Phương thức xúc tiến đầu tư (XTĐT) chậm được đổi mới, hoạt động XTĐT từ trung ương tới địa phương chưa có sự điều phối thống nhất, chặt chẽ, kém hiệu quả. Hình thức XTĐT tại chỗ thông qua việc hỗ trợ cho các dự án đã được cấp GCNĐT triển khai một cách thuận lợi chưa được chú trọng đúng mức. Môi trường đầu tư của Việt Nam đã bộc lộ một số hạn chế, làm cho tính cạnh tranh môi trường đầu tư Việt Nam giảm so với nhiều nước trong khu vực.

Trước tình trạng trên, để phù hợp với tình hình mới, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư Việt Nam, Chính phủ đã có Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 29/8/2013 về định hướng nâng cao hiệu quả thu hút, sử dụng và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới, trong đó yêu cầu các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt các quan điểm, định hướng và tập trung chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến đầu tư theo hướng nhất quán, công khai, minh bạch, có tính dự báo, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư và có tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực.

Để hoàn thiện khung khổ pháp lý về đầu tư, có nhiều các tiêu đề án cần làm, như: Nghiên cứu sửa đổi Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp cho phù hợp bối cảnh mới; Rà soát tổng thể hệ thống luật pháp hiện hành liên quan đến đầu tư, kinh doanh theo hướng đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với các quy định của Luật Đầu tư; Quy định rõ hơn những đặc thù về thủ tục và điều kiện đầu tư đối với nhà ĐTNN; Rà soát các quy định về hoạt động mua bán và sáp nhập có yếu tố nước ngoài để đồng bộ hóa và quy định cụ thể, rõ ràng hơn.

Bên cạnh đó, cần tập trung sửa đổi chính sách ưu đãi đầu tư; Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút ĐTNN vào công nghiệp phụ trợ; Điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng; Hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích thu hút các dự án công nghệ cao; Hoàn thiện các quy định về môi trường; quản lý ngoại hối, tín dụng; quản lý lao động trong doanh nghiệp ĐTNN; quy định về đất đai, nhà ở. Ngoài ra, cần có đánh giá cụ thể về tác động của việc đến năm 2015, Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết mở cửa thị trường trong khuôn khổ AFTA.

Thứ hai, điều chỉnh một số nguyên tắc quản lý và phân cấp đầu tư.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp việc cấp GCNĐT theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo, chịu trách nhiệm của địa phương, đồng thời đảm bảo quản lý thống nhất của trung ương. Do vậy việc quản lý và phân cấp đầu tư sẽ có một số điều chỉnh sau:

Bổ sung quy trình thẩm định đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, cơ quan cấp GCNĐT chủ trì thẩm tra theo quy định hiện hành, trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm tra cùng hồ sơ liên quan; đồng thời, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định độc lập. Trên cơ sở hồ sơ và báo cáo thẩm tra của cơ quan cấp GCNĐT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, các chuyên gia và nhà khoa học,... để thẩm định dự án. Nội dung thẩm định tập trung vào các nội dung chính như: sự tuân thủ về quy trình, thủ tục thẩm tra và pháp luật có liên quan; ảnh hưởng, tác động của dự án đối với phát triển kinh tế xã hội của vùng, quốc gia và các ngành; tính khả thi của các nguồn lực cho dự án (lao động, kết cấu hạ tầng, điện, nguyên liệu,...); khả năng huy động vốn,... Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo thẩm định độc lập. Cơ quan cấp GCNĐT sẽ cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Bên cạnh đó thì Nghị quyết cũng giao các Bộ, ngành tổng kết, đánh giá việc thực hiện phân cấp quản lý hoạt động ĐTNN trong các lĩnh vực như đất đai, công nghệ, môi trường, lao động, xuất nhập khẩu... để đề xuất các giải pháp khắc phục bất cập.

Thứ ba, hoàn thiện tiêu chí cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Nghị quyết 103 đã xác định rõ, các bộ, ngành cần quy định chi tiết, rõ ràng các tiêu chí, điều kiện đầu tư trong lĩnh vực phụ trách làm căn cứ cho việc cấp phép và quản lý sau cấp phép (suất đầu tư, tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, môi trường...). Đặc biệt, đối với dự án có quy mô lớn, có tác động lớn về kinh tế, xã hội, cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư cần có các chế tài hoặc yêu cầu đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ triển khai dự án đúng tiến độ. Đây là một trong các nội dung mới có tính pháp lý đối với việc cấp giấy chứng nhận đầu tư trong thời gian tới.

Thứ tư, đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư.

Để khắc phục tình trạng chông chéo, kém hiệu quả trong hoạt động xúc tiến đầu tư thời gian qua, tại Nghị quyết 103, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng năm và từng thời kỳ dựa trên nhu cầu thực tế mà ban hành bộ tiêu chí hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư. Các Bộ, ngành, địa phương trên cơ sở tiêu chí do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành để xây dựng kế hoạch XTĐT theo từng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, thống nhất, điều phối chung (về nội dung, thời gian, địa điểm,...) và hướng dẫn phối hợp; khắc phục tình trạng chông chéo, kém hiệu quả. Nội dung này đã được đưa vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng CP về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động XTĐT.

Đặc biệt, tại nhóm giải pháp này, Nghị quyết 103 đã chính thức xác định một nội dung quan trọng, đó là: “coi trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ, theo đó, cần tăng cường hỗ trợ các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư để các dự án này triển khai hoạt động một cách thuận lợi, có hiệu quả, tăng cường đối thoại với các nhà đầu tư để giải quyết kịp thời những kiến nghị hợp lý của doanh nghiệp ĐTNN nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc”.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư.

Bên cạnh các yêu cầu đối với các bộ, ngành, địa phương trong việc tăng cường phối hợp, rà soát, kiểm tra đối với các dự án ĐTNN thì các cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư cũng phải tăng cường kiểm tra, giám sát các dự án ĐTNN, cũng như giám sát quá trình cấp phép, quản lý sau cấp phép... Nghị quyết 103 còn quy định rõ, hàng quý phải rà soát, phân loại các dự án ĐTNN để có hướng xử lý thích hợp đối với các dự án có khó khăn.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tích cực phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc triển khai Nghị quyết này để biến các định hướng, giải pháp trong Nghị quyết thành những điều chỉnh cụ thể về chính sách, về phương thức quản lý đối với ĐTNN trong thời gian tới để khu vực này có những đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam cũng như để tăng cường thu hút ĐTNN vào Việt Nam.

* * *

Trên đây là nội dung trả lời của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các kiến nghị của cử tri tỉnh Bắc Kạn gửi tới Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIII, kính báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn để trả lời cử tri được rõ./. *ly*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, chủ nhiệm VPCP;
- Bộ trưởng Bộ KH&ĐT;
- Ban Dân nguyện (UBTVQH);
- Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Kạn;
- Vụ TCTT, Cục ĐNTNN;
- Lưu VT, Vụ THKTQD.

HA

